



Họ và tên: Thứ ngày tháng năm

Lớp: 1A.....

PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT

Bài 1: Con hãy ghép 2 ô đã cho để tạo thành cặp tương ứng.

 ①	áo phông ②	cái ly ③	 ④	đậu phộng ⑤
ki bo ⑥	mướp đắng ⑦	 ⑧	bắp ⑨	khổ qua ⑩
đèn cây ⑪	củ mì ⑫	 ⑬	bàn ủi ⑭	 ⑮
 ⑯	áo thun ⑰	 ⑱	keo kiệt ⑲	dưa leo ⑳

1 và ; 2 và ; 3 và ; 4 và ; 5 và

6 và ; 7 và ; 8 và ; 11 và ; 12 và

Bài 2: Con hãy sắp xếp lại trật tự các từ ngữ để tạo thành câu

ở	Ăn	đầy.	như	nước	chén
⤵					
trời	xanh	trong	Bầu	cao	
⤵					
dương	Mẹ	vàng	là	thái	
⤵					

như Trê trên em búp cành.

thảo. hiền cháu Con

Chóp nháy gáy gà đông mưa. thì nhay

gió cho quạt Chị cây

như lược. dừa Tàu chiếc

Mười bay cò Tháp cánh. thẳng Đồng

Bài 3: Điền vào chỗ chấm.

- Một điềuin chín điều lành.
- Trái nghĩa với “khó” là

- Giải câu đố sau:

Cây gì nhiều khúc

Mọc thành bụi to

Cây già làm thang

Măng lên nhọn hoắt

Là cây.....

- Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn của con suốt đời.

Bài 4: Trắc nghiệm

Con hãy chọn câu trả lời đúng.

1. Từ nào chỉ đặc điểm của con ngựa?

☐ vòi dài

☐ giỏi leo trèo

☐ phi như bay

☐ chậm chạp

2. Từ nào không chứa vần “uôt”

☐ tuốt lúa

☐ rét buốt

☐ trắng muốt

☐ cái cuốc

3. Từ phù hợp điền vào chỗ chấm trong câu: “Kiến cánh võ tổ bay ra, bão táp gần tới.” là:

☐ nắng to

☐ mưa bụi

☐ mưa sa

☐ mưa rào

4. Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

☐ chích chòe

☐ chào mào

☐ châu trấu

☐ con trăn

5. Từ nào ghép được với cụm từ “ cánh đồng lúa” để tạo thành câu.

☐ lơ lửng

☐ nhớn nhor

☐ vàng rực

☐ bay bổng

6. Từ nào sau đây sai chính tả?

☐ chứng nhận

☐ quả chứng

☐ chứng khoán

☐ chính kiến

7. Giải câu đố sau?

Con gì ăn cỏ

Đầu có hai sừng

Lỗ mũi buộc thừng

Cày bừa rất khỏe?

Nền móng vững chắc - Tự tin xây dựng tương lai

☐ con ngựa ☐ con voi ☐ con chó ☐ con trâu

8. Từ nào không chỉ người?

☐ y tế ☐ y tá ☐ bác sỹ ☐ kỹ sư

9. Những vần nào có trong khổ thơ sau?

Con gì bé tí

Lại đi từng đàn

Kiểm được mỗi ngon

Cùng tha về tổ?

☐ on, ung, ai, ôi, uộc, iêm, an, ung

☐ on, ai, ung, ước, ôi, iêm, an, ung

☐ âm, on, ai, ung, ước, iêm, an, ung

☐ on, ai, ia, ung, ước, iêm, an, ung

10. Từ nào khác với từ còn lại?

☐ con trâu ☐ con mắt ☐ con chó ☐ con khỉ

11. Từ nào khác từ còn lại?

☐ mùa đông ☐ mùa thu ☐ mùa hè ☐ mùa thi

12. Từ nào còn thiếu trong câu sau:

Chó mèo lắm lông

Ai ngờ chó lại lắm lông hơn mèo.

☐ chê ☐ thấy ☐ khen ☐ bảo

13. Giải câu đố sau:

Quả gì năm cánh sao vàng

Chim ăn một quả trả vàng cho em?

☐ quả táo ☐ quả ổi ☐ quả khế ☐ quả mơ

14. Từ nào còn thiếu trong câu: “Của thiên địa.”

☐ xin ☐ trả ☐ chẳng ☐ cho

Bài 5: Tìm từ có nghĩa trái ngược với các từ sau:

đen - chăm chỉ - xuôi -

phải - tốt - xa -

trẻ - yêu - dài -

Nền móng vững chắc - Tự tin xây dựng tương lai